

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công khai thuyết minh quyết toán NSNN năm 2024 của Tạp chí Xây dựng
đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt**

TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1428/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tạp chí Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tạp chí Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-BXD ngày 26/6/2024 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt dự toán, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho Tạp chí Xây dựng năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 435/QĐ-BXD ngày 30/9/2025 của Bộ Xây dựng về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Tạp chí Xây dựng;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Tạp chí Xây dựng, chi tiết theo Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Tạp chí Xây dựng đính kèm.

Điều 2. Nơi công bố thông tin: Thông báo qua họp giao ban triển khai công tác của Tạp chí, Tạp chí điện tử Xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Phòng Trị sự - Truyền thông, Kế toán trưởng và các Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Bộ phận quản lý mạng (để công khai);
- Lưu :VT, KT;

TỔNG BIÊN TẬP
TẠP CHÍ XÂY DỰNG
Nguyễn Thái Bình

Số: 435 /TB-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2025



56

THÔNG BÁO
XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024
Tạp chí Xây dựng
Mã chương: 019

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 143/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 về việc Ban hành Quy chế làm việc của Bộ Xây dựng; số 118/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 về quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2024 của Tạp chí xây dựng; Biên bản kiểm tra quyết toán giữa Bộ Xây dựng và Tạp chí Xây dựng ngày 20/5/2025, Bộ Xây dựng thông báo xét duyệt quyết toán NSNN năm 2024 của đơn vị như sau:

I. Phân số liệu

1. Số liệu quyết toán:

a. Thu phí, lệ phí: Đơn vị không có

b. Quyết toán chi ngân sách:

Đơn vị tính: Đồng

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	
- Dự dự toán:	
- Dự tạm ứng:	
+ Kinh phí tự chủ	
+ Kinh phí không tự chủ:	
Dự toán được giao trong năm	1.900.000.000
+ Kinh phí tự chủ	
+ Kinh phí không tự chủ: Kinh phí đặt hàng/giao nhiệm vụ	1.900.000.000
Kinh phí thực nhận trong năm	1.900.000.000
+ Kinh phí tự chủ	
+ Kinh phí không tự chủ: Kinh phí đặt hàng/giao nhiệm vụ	1.900.000.000
Kinh phí quyết toán trong năm	1.900.000.000
+ Kinh phí tự chủ	
+ Kinh phí không tự chủ: Kinh phí đặt hàng/giao nhiệm vụ	1.900.000.000

(Chi tiết theo Biểu 2c/TT137 đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính:

Tại thời điểm thực hiện kiểm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024, Tạp chí Xây dựng chưa được cơ quan nào thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

3.1. Tình hình biên chế, lao động:

- Tổng số lao động có mặt đến ngày 31/12/2024: 20 người trong đó:
- + Biên chế viên chức: 18 người.
- + Hợp đồng chuyên môn, lao động: 02 người.

3.2. Tình hình quyết toán ngân sách:

Thuyết minh, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

Năm 2024, Tạp chí Xây dựng đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Quyết định số 618/QĐ-BXD ngày 26/6/2024; Quyết định số 882/QĐ-BXD ngày 23/9/2024; đã có Biên bản nghiệm giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024 cho Tạp chí Xây dựng ngày 31/12/2024, với tổng kinh phí được nghiệm thu là 1.900.000.000 đồng (có hồ sơ kèm theo).

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 7.322.074 đồng,

Trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 7.322.074 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Chi tiết theo Biểu 2b/TT137 đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

(1) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị lập và nộp kịp thời theo quy định.

(2) Về các mẫu biểu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán: Đơn vị đã rà soát, hoàn thiện các mẫu biểu báo cáo theo quy định và theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại các Văn bản: Số 06/BXD-KHTC ngày 02/01/2025; số 1958/BXD-KHTC ngày 14/4/2025 nêu trên.

(3) Chứng từ, sổ kế toán gọn gàng đã in và đóng quyển, lưu trữ theo chế độ, thuận lợi cho công tác kiểm tra và lập các biểu báo cáo quyết toán; Thủ trưởng đơn vị được giao trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà

nước chịu trách nhiệm trước pháp luật: về sử dụng kinh phí, tính chính xác, hợp pháp, trung thực, đầy đủ của số liệu trong báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính và các hồ sơ chứng từ chi tiêu liên quan theo quy định; về những khoản chi quyết toán sai chế độ; về bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ triển khai thực hiện Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(4) Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc: Tạp chí Xây dựng không có đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc.

(5) Năm 2024, đơn vị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 223/QĐ-TCXD ngày 18/10/2024 và Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công theo Quyết định số 03/QĐ-TCXD ngày 02/01/2024. Hàng năm đơn vị tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản, Quy chế quản lý tài chính để đảm bảo phù hợp chế độ chính sách mới hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị.

(6) Trong năm, đơn vị được giao và sử dụng kinh phí 1.900.000.000 đồng để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo Quyết định số 618/QĐ-BXD ngày 26/6/2024, cụ thể:

- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán trong năm là 1.900.000.000 đồng. Theo báo cáo của đơn vị, kinh phí đã được Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi và thanh toán theo quy định.

- Đơn vị đã có Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

(7) Để có biện pháp thu hồi và xử lý công nợ khó đòi đến thời điểm 31/12, yêu cầu đơn vị thường xuyên rà soát công nợ, đối chiếu, xác nhận, có kế hoạch đôn đốc công nợ phải thu, phải trả nội bộ, khách hàng để đảm bảo đúng quy định, cụ thể: Công nợ phải thu khách hàng: 2.330.425.715 đồng, công nợ tạm ứng 1.337.795.424 đồng (số tiền tạm ứng lương cho CBNV năm 2024, đơn vị đã hoàn tạm ứng ngày 08/01/2025), công nợ phải trả người bán: 22.931.376 đồng, công nợ phải trả khác: 782.305.962 đồng.

(8) Trong năm, đơn vị có tài sản cố định là máy móc thiết bị tăng 25.550.001 đồng; tài sản vô hình tăng 55.000.000 đồng từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Đơn vị đã chủ động trích khấu hao TSCĐ vào các hoạt động SXKD, dịch vụ để bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất số trích trong năm là: 49.226.545 đồng.

(9) Tại thời điểm kiểm tra quyết toán, đơn vị đã thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2023 tại Quyết định số 264/QĐ-TCXD ngày 10/12/2024; đã báo cáo kết quả thực hiện công khai tại Văn bản số 267/BC-TCXD ngày 11/12/2024; công khai giao dự toán NSNN năm 2024 tại Quyết định số 02/QĐ-TCXD ngày 07/01/2025; đã báo cáo kết quả thực hiện công khai ngân sách tại

Văn bản số 07/BC-TCXD ngày 08/01/2025 công khai trên trang quản lý văn bản của Tạp chí Xây dựng.

(10) Cuối năm, số dư tài khoản tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc 323.960.655 đồng. Đơn vị có dòng tiền để hoạt động quá thấp, yêu cầu đơn vị tập trung tăng nguồn thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ để tăng mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị.

(11) Đơn vị đã rà soát số liệu trên Chương trình ứng dụng tài sản công khớp đúng với Báo cáo tài chính năm 2024.

(12) Đối với việc cho thuê, hoạt động kinh doanh, dịch vụ liên doanh liên kết (nếu có), yêu cầu đơn vị phải có kế hoạch xây dựng Đề án trình Bộ phê duyệt để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài công.

2. Kiến nghị:

Thông nhất với những nhận xét và kiến nghị của Đoàn kiểm tra, đơn vị sẽ tiếp thu và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- ĐV được XD/TĐ quyết toán;
- Bộ trưởng BXD (để b/c);
- TT. Nguyễn Danh Huy (để b/c);
- VT. Vụ KHTC (để b/c);
- BTC (Vụ TC - Kinh tế ngành);
- KBNN (đơn vị được xét duyệt nhận);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (2b).

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Trịnh Quốc Cường


ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Tập chí Xây dựng

(Kèm theo Thông báo số 435 /TB-BXD ngày 30 /9 /2025 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	1.901.268.113	1.901.268.113	-
	a. Từ NSNN cấp	2	1.901.268.113	1.901.268.113	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4			
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	1.901.268.113	1.901.268.113	-
	a. Chi phí hoạt động	6	1.901.268.113	1.901.268.113	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8			
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	9	-	-	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	3.393.548.915	3.393.548.915	-
2	Chi phí	11	3.384.396.323	3.384.396.323	-
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	9.152.592	9.152.592	-
III	Hoạt động tài chính		-	-	
1	Doanh thu	20			
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22			
IV	Hoạt động khác		-	-	
1	Thu nhập khác	30			
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí thuế TNDN	40	1.830.518	1.830.518	-
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	7.322.074	7.322.074	-
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52	7.322.074	7.322.074	-
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

SỔ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Tạp chí Xây dựng

(Kèm theo Thông báo số 435 /TB-BXD ngày 30 /9 /2025 của Bộ Xây dựng)

Phần I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số			Loại 280 - Khoản 332		
			Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch
4		C	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
1	Số dự kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1						
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2						
	- Kinh phí đã nhận	3						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4						
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5						
	- Kinh phí đã nhận	6						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7						
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:	9						
	+ Hoạt động bộ máy							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:	10	1.900.000.000	1.900.000.000		1.900.000.000	1.900.000.000	
	(Kinh phí đặt hàng/giao nhiệm vụ)							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12		-	-		-	
	- KP không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15						
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18						
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20						
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21 =22+23+24)	21						
	- Đã nộp NSNN	22						
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18- 22-31)	23						
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24						



Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số			Loại 280 - Khoản 332		
			Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch
A								
6.2	KP không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	- Đã nộp NSNN	26						
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19- 26-34)	27						
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28						
7	Số dự kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29						
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30						
	- Kinh phí đã nhận	31						
	- Dự toán còn dự ở Kho bạc	32						
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33						
	- Kinh phí đã nhận	34						
	- Dự toán còn dự ở Kho bạc	35						
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI							
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI							

Phần II. CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN: (Nội dung theo Mẫu Phụ biểu 01-01/BCQT ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC)

Loại i	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số			Ngân sách trong nước			Phí được khấu trừ, để lại			Chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
					Số báo cáo	Số xét duyệt/Thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/Thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt/Thẩm định	Chênh lệch	
A	B	C	D	E	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7	13
				Tổng số:	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-	-	-	
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-	-	-	
280	332			Chi lương	1.296.355.554	1.296.355.554	-	1.296.355.554	1.296.355.554	-	-	-	-	
				Chi phụ cấp chức vụ	82.998.720	82.998.720	-	82.998.720	82.998.720	-	-	-	-	
				Chi phụ cấp trách nhiệm	6.048.000	6.048.000	-	6.048.000	6.048.000	-	-	-	-	
				Chi phụ cấp TN cấp UV	6.048.000	6.048.000	-	6.048.000	6.048.000	-	-	-	-	
				Chi phụ cấp khác	4.032.000	4.032.000	-	4.032.000	4.032.000	-	-	-	-	
				Chi BXXH	70.614.694	70.614.694	-	70.614.694	70.614.694	-	-	-	-	
				Chi BHYT	16.607.916	16.607.916	-	16.607.916	16.607.916	-	-	-	-	
				Chi BHTN	5.095.116	5.095.116	-	5.095.116	5.095.116	-	-	-	-	
				Chi khác	99.000.000	99.000.000	-	99.000.000	99.000.000	-	-	-	-	
				Chi nghiệp vụ chuyên môn	313.200.000	313.200.000	-	313.200.000	313.200.000	-	-	-	-	

